

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 06-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Bà Trịnh Thị Sớm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

1- Đặng Viết T, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1968, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Viết X và bà Ninh Thị T; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam, ngày 29 tháng 11 năm 2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cho bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

2- Phạm Văn D, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1970, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Đặng Thị N; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3- Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1959, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị R; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4- Phạm Văn S, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1975, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/10; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Vũ Thị T; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5- Phạm Văn H, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1976, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Vũ Thị Đ; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6- Trần Văn Đ, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1972, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Vũ Thị N; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7- Đặng Xuân V, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1981, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Viết V và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 45 phút ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại nhà bị cáo Đặng Viết T, Tổ công tác Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bắt quả tang các đối tượng Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T,

Phạm Văn D, Phạm Văn S, Đặng Viết T đang chơi “phỏm” ăn tiền, trên 02 chiếu bạc. Thu giữ tại chiếu bạc của Đặng Viết T, Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S số tiền 5.090.000đ (năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 lá; chiếu bạc của Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng) và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài, đồng thời thu giữ số tiền 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng) là tiền hồ để giữa hai chiếu bạc. Quá trình bắt giữ Phạm Văn S bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Tối ngày 23 tháng 10 năm 2018 Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Phạm Văn S đến nhà Đặng Viết T chơi. Tại đây các đối tượng đã rủ nhau chơi "phỏm" được thua bằng tiền. Đến 22 giờ 24 phút cùng ngày, Tổ công tác Công an huyện An Lão khám xét, bắt, thu giữ tang vật như nội dung trên.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Đặng Viết T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án ở trên.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Đặng Viết T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Viết T; khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 (chỉ áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn H) Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đặng Viết T từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", từ 12 đến 18 tháng tù về tội "Gá bạc", tổng hợp hình phạt bị cáo Đặng Viết T phải chịu hình phạt chung từ 21 đến 30 tháng tù; các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh, khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, đồng thời phù hợp với tang vật vụ án đã thu giữ được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Nên đã đủ cơ sở kết luận khoảng 22 giờ 25 phút ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại nhà bị cáo Đặng Viết T, các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D cùng Đặng Viết T tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh "phôm" ăn tiền. Thu giữ tại chiếu bạc của Đặng Viết T, Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S số tiền là 5.090.000đ (năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng); tại chiếu bạc của Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D số tiền 5.200.000đ (năm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Đặng Viết T đã phạm vào tội đánh bạc vi phạm khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Viết T ngoài hành vi trực tiếp tham gia đánh bạc còn có hành vi dùng nơi ở của mình cho người khác đánh bạc và thu tiền hồ, với 02 chiếu cùng một lúc, tổng số tiền, hiện vật thu trên 02 chiếc bạc và tiền hồ là 10.330.000đ (mười triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), nên bị cáo Đặng Viết T còn phạm tội "Gá bạc" vi phạm điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo không phải chịu trách nhiệm với tình tiết định khung hình phạt.

[4] Hành vi của các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Đặng Viết T đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Xét đây là một vụ án đồng phạm giản đơn nên cần đánh giá hành vi, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với mỗi bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[5] Về vai trò: Trong vụ án các bị cáo Đặng Viết T là người chuẩn bị phương tiện đánh bạc (03 bộ bài) đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc nên đứng vai trò đầu vụ; các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D cùng thống nhất và trực tiếp đánh bạc tham gia bằng hình thức đánh phỏm ăn tiền nên có vai trò ngang nhau xếp sau bị cáo Đặng Viết T.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Đặng Viết T phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D đều thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Viết T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn H có bố đẻ là ông Phạm Văn Đ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất, bị cáo Đặng Viết T có bố đẻ là ông Đặng Viết X là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhì nên bị cáo Phạm Văn H, Đặng Viết T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú.

[9] Bị cáo Đặng Viết T phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Tâm.

[10] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xét thấy các bị cáo đều có khả năng tự cải tạo và việc cho họ cải tạo không giam giữ ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đối với bị cáo Đặng Viết T cùng một thời điểm phạm nhiều tội, nên căn cứ Điều 38 của Bộ luật Hình sự cần xử phạt tù cách ly bị cáo Đặng Viết T một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Việc đề nghị áp dụng các điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo như Kiểm sát viên đã viện dẫn và đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D, Đặng Viết T đều là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Xét các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D đều là lao động tự do, không ổn định, nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng của vụ án: Đối với: 03 bộ bài, mỗi bộ 52 lá bài, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 10.330.000đ (mười triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng đánh bạc. Nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[15] Trong vụ án còn có đối tượng Phạm Văn S tham gia đánh bạc, tuy nhiên Phạm Văn S đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão đã ra quyết định truy nã, quyết định tạm đình chỉ điều tra khi nào bắt được xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Viết T, xử phạt: Bị cáo Đặng Viết T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”, 18 (mười tám) tháng tù về tội "Gá bạc", tổng hợp hình phạt bị cáo Đặng Viết T phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 (một) tháng, 06 (sáu) ngày (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt tù, bị cáo Đặng Viết T còn phải chấp hành hình phạt tù là 28 (hai mươi tám) tháng, 24 (hai mươi bốn) ngày.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 (chỉ áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn H) Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình

phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai ngày) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo D cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm Văn D.

Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo T cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo Phạm Văn S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo S cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm Văn S.

Bị cáo Phạm Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo H cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm Văn H.

Bị cáo Trần Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai) ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo Đ cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Bị cáo Đặng Xuân V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 29 tháng 10 năm 2018) vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng, 12 (mười hai) ngày. Thời hạn

tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, nơi bị cáo V cư trú nhận được quyết định thi hành án, bản sao bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Đặng Xuân V.

Giao các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Đặng Xuân V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú, thì Ủy ban nhân dân xã T có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện để thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 lá bài.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.330.000đ (mười triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, biên bản bàn giao vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2019 và biên lai thu tiền số 4977 ngày 15 tháng 01 năm 2019).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV27, PC81 CA. TP;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- THA (HS);
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt